

SÓI RỪNG

Sarcandrae glabrae Herba

Phần trên mặt đất được làm khô của cây Sói rừng [*Sarcandra glabra* (Thunb.) Nakai], họ Hoa sói (Chloranthaceae). Thu hái toàn cây vào mùa hạ và mùa thu, rửa sạch đất cát, phơi khô hoặc sấy khô.

Mô tả

Toàn cây dài tới 120 cm. Thân hình trụ thường phân nhánh, đường kính 0,3 cm đến 1,3 cm; bên ngoài màu lục tối, có nhiều nếp nhăn dọc nhỏ cùng với các nốt lồi vỏ rải rác hơi nhô lên; chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt gãy có tủy hoặc lỗ rỗng ở giữa. Lá mọc đối. Phiến lá hình trứng nhọn hoặc hình bầu dục, dài 7 cm đến 18 cm, rộng 2 cm đến 7 cm, mép lá có răng cưa nhọn, cuống lá ngắn 0,5 cm đến 0,8 cm, lá có màu lục nhạt. Mùi thơm nhẹ, vị hơi hăng.

Vi phẫu

Thân: Mặt cắt ngang tiết diện hơi tròn. Quan sát dưới kính hiển vi thấy: Bần cấu tạo bởi nhiều lớp tế bào hình chữ nhật bị ép dẹt thành hàng đồng tâm và dây xuyên tâm. Mô mềm vỏ cấu tạo bởi các tế bào hình đa giác hay hình trứng thành mỏng, xếp không đều. Sau mô mềm là sợi xếp thành vòng tròn. Phần libe-gỗ: Bó chõng mạch hở rất phát triển xếp thành vòng tròn sát nhau. Trong cùng là mô mềm ruột cấu tạo bởi các tế bào hình tròn hay hình đa giác, thành mỏng, có kích thước lớn. Rải rác trong mô mềm vỏ và ruột có các tế bào cứng.

Lá:

Gân lá: Gân phía trên hơi lồi, phía dưới lồi nhiều. Biểu bì trên và dưới là một hàng tế bào hình chữ nhật nhỏ xếp đều đặn, phía ngoài phủ một lớp cutin mỏng. Hạ bì gồm một lớp tế bào hình gần tròn nhỏ xếp đều đặn. Mô mềm cấu tạo bởi các tế bào thành mỏng hình đa giác hay hình trứng, kích thước không đều. Rải rác trong mô mềm có các đám tế bào cứng. Giữa gân lá có hai bó libe-gỗ lớn nằm đối xứng nhau qua trục giữa của gân lá, mỗi bó có một cung mô cứng gồm các tế bào có thành dày hoá gỗ, phía trên là cung mạch gỗ, ở giữa là libe.

Phiến lá: Biểu bì trên và dưới là một hàng tế bào hình chữ nhật tương tự phần gân lá nhưng có kích thước nhỏ hơn. Lớp tế bào mô giậu quan sát không rõ. Mô mềm gồm những tế bào có kích thước lớn, thành mỏng.

Bột

Bột có màu xanh xám, mùi thơm nhẹ. Quan sát dưới kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì, mảnh phiến lá mang lỗ khí, tế bào cứng đứng riêng lẻ hay tập trung thành đám, sợi, các mảnh mạch.

Định tính

A. Lấy khoảng 1 g bột dược liệu cho vào ống nghiệm to, thêm 10 ml *ethanol* 90 % (TT), đun sôi trên cách thủy khoảng 3 min. Lọc, lấy dịch lọc làm các phản ứng sau:

Lấy 1 ml dịch lọc vào ống nghiệm nhỏ, thêm một ít bột *magnesi* (TT) và 4 giọt *acid hydrochloric* (TT). Đun nóng trong cách thủy, xuất hiện màu nâu đỏ.

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 2 - 3 giọt *dung dịch sắt (III) clorid* 5 % (TT), xuất hiện màu xanh đen.

Nhỏ 1 giọt dịch lọc lên tờ giấy lọc, để khô rồi hơi lên lọ amoniac đặc đã mở nút, thấy vết có màu vàng đậm lên.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4)

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Toluen - ethylacetat - acid formic* (9 : 4 : 1).

Dung dịch thử: Lấy khoảng 2 g bột dược liệu, thêm 50 ml nước, lắc siêu âm 30 min, lọc. Lấy dịch lọc lắc 3 lần với *ethyl acetat* (TT), mỗi lần 10 ml, gộp dịch *ethyl acetat* và cô tới gần khô. Hòa lẫn trong 1 ml *methanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 2 g bột Sói rừng (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên cùng một bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch nhôm clorid* 1 % trong *methanol* (TT), quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 2 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 2,0 % (Phụ lục 9.7).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 10,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng nước làm dung môi.

Chế biến

Sói rừng cắt đoạn: Lấy dược liệu chưa cắt đoạn, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, để ráo nước, cắt đoạn 3 cm đến 5 cm, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả: Các đoạn thân, cành, lá dài từ 3 cm đến 5 cm. Thân hình trụ, bên ngoài có màu xanh lục tối hoặc nâu tối có các nếp nhăn dọc hiện rõ, rải rác có các nốt sần nhô lên. Mặt cắt thân có tủy hoặc lỗ rỗng ở giữa. Lá thường bị gãy, bên ngoài màu xanh lục, xanh nâu tới nâu hoặc đỏ nâu, không có lông, mép lá có răng cưa nhọn. Mùi thơm nhẹ, vị hơi hăng.

Bột, Định tính, Độ ẩm, Tro toàn phần, Tro không tan trong acid, Chất chiết được trong dược liệu: Yêu cầu và phương pháp thử như dược liệu chưa cắt đoạn.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô, thoáng mát.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, cay, tính bình. Vào các kinh tâm, can.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt lương huyết, hoạt huyết tiêu ban chẩn, khử phong thông lạc. Chủ trị: Huyết nhiệt, phát ban chẩn, phong thấp, tê đau, chấn thương, tê ngã gây đau.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 9 g đến 30 g, dạng thuốc sắc. Thường phối hợp với các vị thuốc khác.

SƠN THÙ (Quả)

Corni officinalis Fructus

Sơn thù du

Quả chín được bỏ hạt và được làm khô của cây Sơn thù du (*Cornus officinalis* Sieb. et Zucc.), họ Thù du (Cornaceae). Thu hoạch vào cuối mùa thu. Thu hái quả khi vỏ quả chuyển sang màu đỏ, sấy ở nhiệt độ thấp hoặc nhúng vào nước sôi cho chín tái rồi kịp thời bóc bỏ hạt, lấy cùi, phơi hoặc sấy nhẹ đến khô.

Mô tả

Quả bị vỡ, nhăn nheo do bị tách bỏ hạt. Quả hình trứng, dài 1 cm đến 1,5 cm, rộng 0,5 cm đến 1 cm. Mặt ngoài màu hồng, đỏ tía đến tím đen, nhăn nheo, sáng bóng. Đỉnh quả có vết sẹo hình tròn của đài, đáy quả có vết của cuống quả. Chất mềm, mùi nhẹ, vị chua, đắng nhẹ.

Ghi chú: Quả đã phơi hoặc sấy khô, màu hồng không còn hạt, không mốc mọt là loại tốt.

Vị phẫu

Vỏ quả ngoài gồm một hàng tế bào khá dẹt, phía ngoài phủ cutin. Vỏ quả giữa rộng, chứa vài hàng tế bào mô mềm kích thước không đều, một vài tế bào chứa các khối màu nâu đậm. Có 8 bó mạch, sắp xếp thành vòng không liên tục ở phía trong. Sợi đôi khi xuất hiện. Các tinh thể calci oxalat rải rác trong tế bào mô mềm.

Bột

Bột màu đỏ đến nâu đỏ nhạt. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì vỏ quả tế bào màu vàng cam, hình nhiều cạnh hoặc hình gần chữ nhật, đường kính 16 µm đến 30 µm, mặt ngoài tế bào biểu bì dày, sần sùi, cutin hóa. Mảnh vỏ quả giữa tế bào màu nâu vàng cam, phần nhiều bị nhăn. Khối inulin với những đường vằn dạng quạt, đường kính 23 µm đến 105 µm. Cụm tinh thể calci oxalat có đường kính 12 µm đến 32 µm, ít thấy. Tế bào cứng hình vuông, hình trứng, hình chữ nhật, các lỗ rõ và có một khoang lớn, riêng lẻ hoặc tập trung thành đám. Rải rác có các sợi; mảnh mạch chủ yếu là mạch xoắn.

Định tính

Ⓐ. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat - acid formic (20 : 4 : 0,5).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu, thêm 10 ml ethyl acetat (TT), siêu âm 15 min, lọc, bốc hơi dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 2 ml ethanol (TT) được dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan acid ursolic chuẩn trong ethanol (TT) để được dung dịch chứa 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có chất chuẩn, dùng 0,5 g bột Sơn thù (mẫu chuẩn) chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí, phun dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol (TT), sấy ở 105 °C tới khi các vết xuất hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải xuất hiện vết màu đỏ tím tương đương về vị trí và cùng màu với vết acid ursolic trên sắc ký đồ dung dịch chất đối chiếu hoặc phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải xuất hiện vết có huỳnh quang màu vàng cam tương đương về vị trí và cùng màu với vết acid ursolic trên sắc ký đồ dung dịch chất đối chiếu hoặc trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - ethanol - acid acetic băng (50 : 10 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu, thêm 10 ml ethanol (TT), lắc siêu âm 15 min, lọc, bốc hơi dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 2 ml ethanol (TT) được dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan một lượng loganin chuẩn trong ethanol (TT) để được dung dịch chứa 1 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có loganin chuẩn, lấy 0,5 g bột Sơn thù (mẫu chuẩn) chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí, phun dung dịch vanillin 5 % trong acid sulfuric (TT), sấy ở 105 °C tới khi các vết xuất hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết của loganin trên sắc ký đồ dung dịch chất đối chiếu hoặc phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 16,0 % (Phụ lục 9.6, 2 g, 105 °C, 5 h).